

Số: **109/2023/QĐST-HNGĐ**

S.D, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh N.M.T (tên gọi khác: N.V.T), sinh năm 1974; trú tại: Thôn Đ.Đ, xã V.L, huyện S.D, tỉnh T.Q.

- *Bị đơn*: Chị D.T.M, sinh năm 1982; HKTT: Thôn Đ.Đ, xã V.L, huyện S.D, tỉnh T.Q; chỗ ở hiện nay: Thôn P.L, xã C.T, huyện S.D, tỉnh T.Q.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa:** Anh N.M.T và chị D.T.M.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Anh N.M.T và chị D.T.M cùng xác định có 02 con chung là N.N.D, sinh ngày 15/10/2001 và N.B.C, sinh ngày 07/02/2008. Cháu N.N.D hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh N.M.T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.B.C, sinh ngày 07/02/2008. Chị D.T.M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng. Chị D.T.M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

*Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh Tuấn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

- Về tài sản chung: Anh N.M.T và chị D.T.M xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh N.M.T và chị D.T.M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh N.M.T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002658 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D, tỉnh T.Q. Trả lại cho anh Tuấn số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị D.T.M phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V.L;
- UBND xã C.T (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Minh Khánh**